

Số: /SYT-CCDS

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Sở Y tế báo cáo so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết như sau:

VĂN BẢN QUY PHẠM HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	- Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; tại điểm a khoản 1 Điều 4 “ <i>Kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản (do chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn kiêm nhiệm) theo văn bản số 8870/UBND-VX ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; cụ thể: Thôn đặc biệt khó khăn: 150.000đ/tháng/người, thôn còn lại: 100.000đ/tháng/người</i> ” nội dung này chỉ là mục nhỏ trong điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết và được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật trước thời điểm Luật Dân số số 113/2025/QH15 và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực.

		- Do đó cần được ban hành Nghị quyết để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. - Triển khai thực hiện Luật Dân số số 113/2025/QH15 và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trong đó quy định về cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố và mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố. - Thay đổi tên gọi “<i>Kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản</i>” sang quy định “<i>mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</i>” nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. - Việc ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc tổ chức, quản lý và thực hiện chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; - Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành	- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;	- Gộp căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật số 87/2025/QH15 theo đúng kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. - Bổ sung căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15 và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP để bảo đảm cơ sở pháp lý trực tiếp cho việc Quy định mức thù lao

văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; - Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.	- Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số; - Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.	hàng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Giữ nguyên căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT do vẫn còn hiệu lực và là cơ sở xác định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số. - Việc ban hành Nghị quyết mới nhằm thay thế; điểm a khoản 1 Điều 4 “<i>Kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản (do chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn kiêm nhiệm) theo văn bản số 8870/UBND-VX ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; cụ thể: Thôn đặc biệt khó khăn: 150.000đ/tháng/người, thôn còn lại: 100.000đ/tháng/người</i>” Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND kể từ ngày nghị quyết mới có hiệu lực thi hành, đồng thời bảo đảm việc áp dụng các quy định tại Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị quyết.
Tại điểm a khoản 1 Điều 4 “<i>Kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản (do chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn kiêm nhiệm) theo văn bản số 8870/UBND-VX ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; cụ thể: Thôn đặc biệt khó khăn: 150.000đ/tháng/người, thôn còn</i>	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định mức thù lao hàng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. 2. Đối tượng áp dụng	- “Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng” nhằm bảo đảm thống nhất với kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. - Thay đổi thuật ngữ từ “Kinh phí” sang “Thù lao hàng tháng” nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về dân số hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Làm rõ phạm vi điều chỉnh là việc quy định mức chi trả thù lao hàng tháng đối với

lại: 100.000đ/tháng/người” Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND	a) Cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện.	cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính. - Rà soát, chuẩn hóa đối tượng áp dụng, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành và tổ chức mạng lưới cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh.
Tại điểm a khoản 1 Điều 4 “Kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản (do chỉ hội trưởng Hội phụ nữ thôn kiêm nhiệm) theo văn bản số 8870/UBND-VX ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; cụ thể: Thôn đặc biệt khó khăn: 150.000đ/tháng/người, thôn còn lại: 100.000đ/tháng/người” Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND	Điều 2. Mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số 1. Mức thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại: a) Các thôn, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên. b) Các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành. c) Các thôn tại các xã vùng khó khăn theo quy định. d) Các tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên. 2. Mức thù lao bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại các địa bàn còn lại. 3. Người tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố (theo Nghị quyết 20/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)	- Thay đổi phương thức xác định mức hưởng từ mức kinh phí cố định Thôn đặc biệt khó khăn: 150.000đ/tháng/người, thôn còn lại: 100.000đ/tháng/người sang mức chi trả thù lao tính theo hệ số mức lương cơ sở, bảo đảm tính linh hoạt, ổn định và phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước. - Quy định mức chi trả theo bốn mức 0,4; 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng, căn cứ vào quy mô hộ gia đình và đặc điểm của từng địa bàn, bảo đảm phù hợp với khối lượng công việc, yêu cầu quản lý dân số và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. - Bổ sung quy định mức chi trả cao hơn đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các thôn có quy mô hộ gia đình lớn, thôn đặc biệt khó khăn, các xã vùng khó khăn và các tổ dân phố có quy mô lớn nhằm khuyến khích, động viên đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ tại các địa bàn có

	kiêm công tác viên dân số, thì hưởng mức thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	khối lượng công việc cao hoặc điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. - Thực tế cho thấy khối lượng công việc của công tác viên dân số giữa các địa bàn có sự khác nhau. Có địa bàn quy mô dân số, số hộ gia đình lớn, phạm vi quản lý rộng, số đối tượng cần theo dõi nhiều hơn, dẫn đến khối lượng công việc thực tế của công tác viên cao hơn. - Khuyến khích công tác viên quản lý tốt địa bàn có quy mô hộ dân lớn.
Điều 1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025	Điều 3. Nguyên tắc và nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguyên tắc thực hiện: a) Việc chi trả thù lao phải đúng đối tượng, đúng mức, công khai, minh bạch, không chi trùng thù lao công tác viên dân số đối với cùng một nhiệm vụ. b) Công tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố đáp ứng tiêu chuẩn, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và theo phân công của cơ quan có thẩm quyền, được hưởng thù lao hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết này. 2. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách địa	- Điều 3 quy định cụ thể về nguyên tắc hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức thực hiện chính sách đối với công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh. - Quy định nguyên tắc chi trả theo hướng bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp với các chính sách khác có cùng nội dung, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. - Điều kiện hưởng thù lao gắn với việc thực hiện nhiệm vụ theo phân công, đúng quy định và thời gian tham gia thực tế, bảo đảm quyền lợi gắn với trách nhiệm của công tác viên dân số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

	phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.	- Quy định nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với cơ chế phân cấp ngân sách hiện hành.
Điều 3. Hiệu lực thi hành Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.	Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Bãi bỏ quy định về kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Đối với thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, thực hiện chế độ chuyển tiếp đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, cộng tác viên dân số tiếp tục hưởng mức thù lao hiện hưởng; phần chênh lệch giữa mức thù lao quy định tại Nghị quyết này và mức thù lao hiện hưởng được chi trả trong năm 2027.	- Quy định thời điểm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 nhằm bảo đảm thống nhất với thời điểm thực hiện các quy định của pháp luật về dân số, đồng thời tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện. - Quy định việc thay thế; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với các quy định mới của pháp Luật dân số. - Điều khoản chuyển tiếp về việc chi trả thù lao và xử lý phần chênh lệch trong trường hợp chưa tổ chức chi trả đầy đủ mức hưởng theo quy định kể từ ngày Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực, bảo đảm quyền lợi của cộng tác viên dân số và phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. <i>Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.</i>	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2026./.</i>	- Kế thừa các quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh “tổ chức triển khai thực hiện” bảo đảm đúng các quy định hiện hành của pháp luật, nhằm làm rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện và bảo đảm tính thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành. - Rà soát, chuẩn hóa cách diễn đạt đối với chủ thể thực hiện giám sát theo hướng thống nhất với quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân. - Giữ nguyên quy định về trách nhiệm giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện nghị quyết được theo dõi, kiểm tra và đánh giá thường xuyên.

Trên đây là Bản báo cáo so sánh, thuyết minh Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Sở Y tế trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng (để báo cáo);
- Các PGĐ Sở Y tế (để biết);
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, CCDS.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường